

MỘT SỐ YẾU TỐ VĂN HÓA - XÃ HỘI ẢNH HƯỞNG ĐẾN MỨC SINH THẤP Ở ĐÔNG NAM BỘ VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

HỒ NGỌC CHÂM,
NGUYỄN NHƯ TRANG*

Tóm tắt: Dựa trên dữ liệu từ cuộc khảo sát định lượng kết hợp định tính về mức sinh tại 4 tỉnh/thành phố Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Sóc Trăng, Cà Mau, bài viết cho thấy, sự thay đổi trong quan niệm và hệ giá trị về đứa con, áp lực từ cuộc sống hiện đại và vai trò của người phụ nữ trong xã hội và sự thiếu hụt các điều kiện hỗ trợ từ gia đình và xã hội là các yếu tố chính dẫn đến việc trì hoãn hoặc hạn chế sinh con. Các quan niệm truyền thống, như ưu tiên con trai, đã giảm ảnh hưởng đáng kể, trong khi xu hướng đề cao chất lượng nuôi dạy con thay vì số lượng con đang gia tăng. Các phân tích trong bài viết không chỉ nhấn mạnh vai trò của các rào cản thực tiễn mà còn cho thấy ảnh hưởng từ sự thay đổi giá trị gia đình về số con và xu hướng cá nhân hóa trong việc duy trì mức sinh thấp hiện nay.

Từ khóa: mức sinh thấp, văn hóa-xã hội, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhận bài: 25/7/2025

Gửi phản biện: 14/8/2025

Duyệt đăng: 22/10/2025

1. Đặt vấn đề

Mức sinh, một chỉ số nhân khẩu học cơ bản, không chỉ phản ánh quyết định sinh sản của cá nhân mà còn là thước đo cho những biến đổi sâu rộng trong cấu trúc kinh tế-xã hội và hệ giá trị văn hóa của một cộng đồng. Việc duy trì mức sinh thay thế (ước tính khoảng 2,1 con/phụ nữ trong độ tuổi sinh sản) có vai trò then chốt trong việc đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của một quốc gia. Mức sinh ổn định giúp cân bằng quy mô dân số, giảm thiểu áp lực lên tài nguyên, môi trường, hệ thống y tế và giáo dục, đồng thời ngăn chặn nguy cơ thiếu hụt lực lượng lao động do suy giảm dân số. Bên cạnh đó, mức sinh hợp lý còn góp phần vào sự cân đối cơ cấu tuổi, giảm thiểu những thách thức về an sinh xã hội và quỹ hưu trí do quá trình già hóa dân số nhanh chóng.

Tại Hội thảo Quốc gia “Mức sinh thấp ở Việt Nam: Thực trạng và Giải pháp” do Bộ Y tế (Cục Dân số) tổ chức vào cuối năm 2013, các chuyên gia trong nước và quốc tế đều tập trung thảo luận về hiện tượng mức sinh thấp đang trở nên phổ biến ở nhiều quốc gia,

* Viện Xã hội học và Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

đặc biệt là các nước phát triển. Trong những thập kỷ gần đây, nhiều quốc gia trên thế giới phải đối mặt với tình trạng suy giảm mức sinh xuống dưới ngưỡng thay thế, dẫn đến những hệ lụy về già hóa dân số, suy giảm lực lượng lao động, và tăng gánh nặng cho hệ thống an sinh xã hội¹.

Thực tế này cũng đang diễn ra tại các tỉnh Đông Nam Bộ (ĐNB) và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), Việt Nam. Các kết quả nghiên cứu cho thấy mức sinh ở các khu vực này đang có xu hướng giảm và duy trì ở mức thấp hơn so với mức sinh thay thế. Để lý giải hiện tượng này, có thể tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Trước hết, có thể xem xét quá trình chuyển đổi nhân khẩu học, theo đó, các khu vực này đang trải qua giai đoạn chuyển đổi từ mức sinh và tử vong cao sang mức sinh và tử vong thấp, gắn liền với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa theo lý thuyết quá độ dân số của Warren Thompson và Frank Notestein (Thompson, 1929; Notestein, 1945).

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các yếu tố kinh tế-xã hội và văn hóa cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tác động đến quyết định sinh sản của các cặp vợ chồng. Lý thuyết dòng chảy của cải của Caldwell (Ware và Lucas, 2023) nhấn mạnh sự thay đổi trong dòng chảy kinh tế giữa các thế hệ, khi chi phí nuôi con tăng lên và lợi ích kinh tế mà con cái mang lại cho cha mẹ giảm đi, các cặp vợ chồng có xu hướng sinh ít con hơn. Bên cạnh đó, lý thuyết cá nhân hóa của Beck (1992) và Giddens (1991) cho thấy rằng trong xã hội hiện đại, các cá nhân ngày càng có nhiều quyền tự do và lựa chọn hơn trong cuộc sống, bao gồm cả các quyết định về hôn nhân, gia đình và sinh con. Sự suy yếu của các chuẩn mực xã hội truyền thống và sự gia tăng của chủ nghĩa cá nhân dẫn đến việc các cặp vợ chồng trì hoãn hoặc từ chối sinh con để tập trung vào sự nghiệp, tự do cá nhân và các mối quan hệ không ràng buộc.

Dữ liệu của bài viết dựa trên số liệu khảo sát định lượng và định tính tại 4 tỉnh/thành thuộc nhóm có mức sinh thấp là Khánh Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), Sóc Trăng, Cà Mau vào năm 2024. Khảo sát định lượng thực hiện trên 1.200 phụ nữ (18-35 tuổi) tại 4 tỉnh/thành phố theo phương pháp chọn mẫu xác suất ngẫu nhiên nhiều giai đoạn kết hợp chọn mẫu phân tầng có hệ thống. Số liệu của bài viết được gia quyền để khái quát hóa cho khu vực ĐNB và ĐBSCL. Nghiên cứu định tính bổ sung thông tin thông qua 64 phỏng vấn sâu (chủ tịch Hội Phụ nữ, cán bộ y tế, cộng tác viên dân số, phụ nữ và nam giới có vợ) và 16 thảo luận nhóm (phụ nữ và nam giới có vợ trong độ tuổi 18 - 35). Trong giới hạn của bài viết, kết quả nghiên cứu này tập trung chủ yếu vào các yếu tố văn hóa-xã hội, do đó có thể bỏ sót một số yếu tố quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến mức sinh thấp tại khu vực ĐNB và ĐBSCL. Các yếu tố kinh tế, chính sách, hoặc đặc điểm sinh học có thể đóng vai trò quan trọng nhưng chưa được xem xét đầy đủ trong bài viết này.

2. Một số yếu tố văn hóa-xã hội ảnh hưởng đến mức sinh

Trong giai đoạn 2009-2024, ĐNB và ĐBSCL là hai vùng duy trì mức sinh khá thấp trong nhiều năm qua, thấp hơn mức sinh thay thế. Năm 2024, ĐNB có tổng tỷ suất sinh (TFR) là 1,48 con/phụ nữ, ĐBSCL là 1,62 con/phụ nữ, trong khi đó TFR cả nước là 1,91

¹ https://moh.gov.vn/tin-noi-bat/-/asset_publisher/3Yst7YhbkA5j/content/hoi-thao-muc-sinh-thap-tai-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-

con/phụ nữ, khu vực thành thị là 1,67 con/phụ nữ, thấp hơn con số 2,08 con/phụ nữ của khu vực nông thôn. Kết quả Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024 cho thấy TP.HCM là địa phương có TFR thấp nhất cả nước (1,39 con/phụ nữ); Hà Giang có TFR cao nhất cả nước (2,69 con/phụ nữ). Khánh Hòa, Sóc Trăng, TP.HCM, Cà Mau là 4 địa phương thuộc nhóm có TFR dưới mức sinh thay thế (dưới 2,1 con/phụ nữ), trong đó TFR của TP HCM ở mức thấp nhất: 1,39 con/phụ nữ; Sóc Trăng: 1,61 con/phụ nữ; Khánh Hòa: 1,68 con/phụ nữ và Cà Mau là 1,66 con/phụ nữ (Tổng cục Thống kê, 2024).

Vậy những yếu tố nào chi phối mức sinh của các cặp vợ chồng trẻ tại TP.HCM, Khánh Hòa, Sóc Trăng và Cà Mau? Tại sao mức sinh tại các tỉnh/thành phố này lại thấp? Các phân tích dưới đây sẽ chỉ ra một số yếu tố văn hóa-xã hội ảnh hưởng đến mức sinh thấp của các cặp vợ chồng tại 4 tỉnh/thành này.

Các yếu tố văn hóa-xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc định hình hành vi sinh đẻ là một trong những nguyên nhân sâu xa dẫn đến sự thay đổi mức sinh ở nhiều quốc gia hiện nay. Trong đó, quan niệm về giá trị của đứa con đã có sự chuyển biến rõ rệt, đồng thời trình độ học vấn ngày càng cao hơn, đặc biệt là ở phụ nữ, cùng với quá trình tham gia vào thị trường lao động khiến thời gian và cơ hội dành cho việc sinh và nuôi dạy con bị thu hẹp. Bên cạnh đó, xu hướng cá nhân hóa trong xã hội hiện đại, với việc đề cao tự do cá nhân, lối sống độc lập và sự lựa chọn theo sở thích riêng cũng làm thay đổi các chuẩn mực truyền thống về hôn nhân và gia đình. Việc trì hoãn kết hôn, không sinh con hoặc lựa chọn sống độc thân hiện nay không chỉ phổ biến ở những đô thị lớn như TP.HCM mà ở các tỉnh Đông Nam Bộ hay Đồng bằng sông Cửu Long cũng đã dần hiện hữu. Những yếu tố này cho thấy rằng mức sinh không chỉ chịu tác động của điều kiện kinh tế hay chính sách dân số, mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các giá trị văn hóa, mô hình xã hội và quan niệm sống đang thay đổi trong bối cảnh hiện nay.

Tổng hợp ý kiến từ kết quả phỏng vấn sâu người dân và cán bộ tại 4 tỉnh/thành phố đã chỉ ra một số nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng sinh ít con và trì hoãn việc sinh thêm con như sau:

Hộp 1. Những lý do khiến cặp vợ chồng trẻ sinh ít con hoặc trì hoãn sinh thêm con

- Kinh tế hộ gia đình khó khăn
- Vợ/chồng thất nghiệp, thiếu việc làm
- Thu nhập không ổn định, bấp bênh
- Không có người chăm con giúp cặp vợ chồng
- Các cặp vợ chồng trẻ muốn dành nhiều thời gian cho nhau hơn
- Nhà ở chật hẹp, khó mua nhà trên thành phố
- Thanh niên thay đổi quan niệm về sinh con, chú trọng chất lượng nuôi con hơn số lượng con
- Giá trị con cái đã thay đổi, giá trị con trai nối dõi tông đường đã giảm trong xã hội
- Tuổi kết hôn ở khu vực đô thị ngày càng tăng

- Phụ nữ phải dành quá nhiều thời gian cho công việc chăm sóc con cái dẫn đến tâm lý ngại sinh con
- Phụ nữ mất nhiều cơ hội tham gia hoạt động ngoài xã hội nếu sinh thêm con
- Người trẻ tuổi muốn phấn đấu, thăng tiến cho công việc, cho học tập
- Nhiều người trẻ tuổi không muốn kết hôn
- Xã hội ngày càng ít kỳ thị với các cặp hôn nhân đồng tính, chấp nhận tình trạng không có con của cặp vợ chồng
- Tình trạng sảy thai, tình trạng vô sinh thứ phát gia tăng trong xã hội
- Nhóm thanh niên trẻ ưu tiên phát triển kinh tế gia đình trước rồi mới đến sinh con
- Cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc học tập của con cái ở thành phố chật hẹp, thiếu thốn dẫn đến cha mẹ không muốn sinh nhiều con
- Chính sách hỗ trợ sinh đẻ cho các cặp vợ chồng sinh con thứ hai chưa đáp ứng được nhu cầu của các cặp vợ chồng trẻ (chính sách về hỗ trợ tiền, chính sách hỗ trợ việc làm, chính sách thai sản, chính sách về chăm sóc sức khỏe, chính sách về giáo dục)
- Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao mức sinh chưa được chú trọng, địa phương có các ưu tiên khác hơn là tập trung vào công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình

Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm đề tài, 2024.

Từ những kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm nói trên, có thể thấy ba nhóm yếu tố văn hóa-xã hội ảnh hưởng tới mức sinh thấp tại 4 tỉnh bao gồm: 1) sự thay đổi trong quan niệm và hệ giá trị về đứa con; 2) áp lực từ cuộc sống hiện đại và vai trò của người phụ nữ trong xã hội và 3) sự thiếu hụt các điều kiện hỗ trợ từ gia đình và xã hội.

2.1. Thay đổi trong quan niệm và hệ giá trị xã hội về đứa con

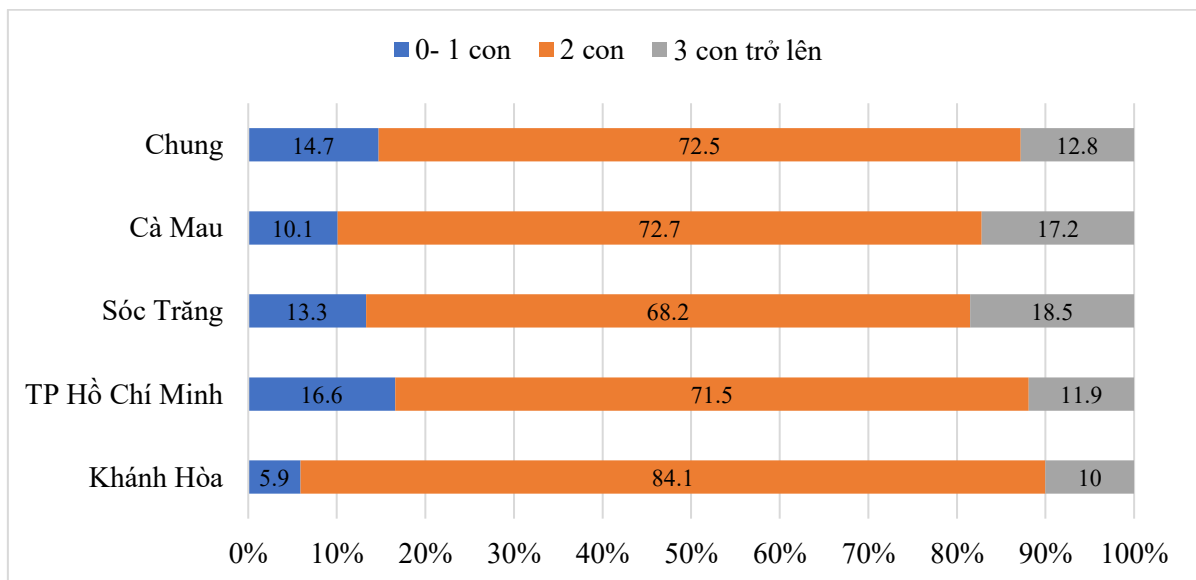
Giá trị của đứa con chuyển từ số lượng sang chất lượng

Nói đến mối quan hệ giữa các yếu tố văn hóa và vấn đề con cái là nói đến quan điểm của các cặp vợ chồng (những người có hành vi sinh đẻ) với giá trị của chính đứa con và số con mà họ sinh ra. Giá trị con cái là một thuật ngữ phái sinh từ khái niệm giá trị trong hệ thống giá trị hôn nhân và gia đình. Nó được nhìn nhận trên các phương diện xã hội, văn hóa, sinh học thông qua quan niệm và nhìn nhận của cha mẹ. L.W. Hoffman và M.L. Hoffman (1973) cho rằng giá trị con cái liên quan đến những chức năng mà con cái có thể đảm nhiệm hoặc những nhu cầu mà con cái có thể đáp ứng cho cha mẹ trong gia đình. Còn đối với Kagitchibasi (1982) thì các giá trị mà con cái mang lại cho gia đình gồm ba loại: giá trị tâm lý, giá trị xã hội và giá trị kinh tế. Giá trị tâm lý là niềm vui, niềm tự hào, hạnh phúc của cha mẹ. Giá trị xã hội là việc có con sẽ được mọi người coi trọng, nhất là khi có con trai. Giá trị kinh tế là những lợi ích con cái mang lại cho cha mẹ như kiếm tiền đóng góp vào thu nhập gia đình hay nuôi dưỡng, chăm sóc cha mẹ khi tuổi già.

Kế thừa khái niệm "giá trị con cái" được đề xuất bởi L.W. Hoffman, M.L. Hoffman và Kagitchibasi (1973), trong phân tích này, khái niệm giá trị con cái đề cập ở đây được hiểu

là giá trị về số con. Một trong những yếu tố then chốt góp phần làm giảm mức sinh hiện nay là sự chuyển biến trong hệ giá trị sống và quan niệm về hôn nhân gia đình, trong đó giá trị liên quan đến số con đóng một vai trò đáng kể. Trong xã hội truyền thống, việc sinh nhiều con từng được xem là một giá trị vững chắc, gắn liền với vị thế xã hội, trách nhiệm nối dõi tông đường hoặc nhu cầu lao động sản xuất trong gia đình. Tuy nhiên, cùng với quá trình hiện đại hóa, những giá trị đó đang dần nhường chỗ cho các chuẩn mực mới như “gia đình hạt nhân”, “ít con để nuôi dạy tốt” hay “sinh con trong điều kiện đảm bảo”. Kết quả khảo sát định lượng cho thấy tỷ lệ phụ nữ dự định chỉ sinh một con có sự phân hóa rõ rệt theo vùng miền: TP.HCM ghi nhận tỷ lệ cao nhất với 16,6%, trong khi tỉnh Khánh Hòa thấp hơn đáng kể với 5,9% (Hình 1). Những con số này phản ánh sự dịch chuyển rõ nét trong cách nhìn nhận về giá trị con cái. Tỷ lệ phụ nữ có ý định sinh 1 con ở TP.HCM cao hơn hẳn các tỉnh trong khu vực, tương thích với một thực tế là mức sinh tại TP.HCM đang thấp nhất hiện nay không chỉ so với các tỉnh/thành trong vùng mà cả trong phạm vi toàn quốc.

Hình 1. Số con dự định sinh theo địa bàn cư trú



Nguồn: Kết quả khảo sát tại 4 tỉnh/thành phố, 2024.

Kết quả phân tích định tính quan niệm về giá trị của đứa con đang có sự chuyển biến rõ nét - từ “số lượng” sang “chất lượng”, đặc biệt tại các đô thị phát triển. Nếu như trước đây các gia đình thường mong muốn có nhiều con với quan niệm “đông con nhiều phúc”, thì hiện nay, ngày càng nhiều cặp vợ chồng trẻ lựa chọn chỉ sinh một con hoặc tối đa hai con. Giá trị nằm ở chỗ nuôi dạy con như thế nào, cho con ăn học đầy đủ được hay không. Các cặp vợ chồng trẻ hiện nay muốn dành thời gian và các điều kiện cụ thể khác để tập trung cho nuôi dạy con tốt nhất. Điều này phản ánh sự chuyển dịch trong cách nhìn nhận: con cái không còn chỉ là sự nối dõi, mà trở thành đối tượng đầu tư dài hạn về giáo dục, sức khỏe và phát triển toàn diện. Nhiều cặp vợ chồng trẻ cho rằng “nuôi một con cho tốt còn hơn sinh nhiều con mà không đủ điều kiện”.

Giờ điều kiện cũng chưa tốt lắm, thay vì sinh hai con thì nhà em tính chỉ sinh 1 con thôi, và mình dành toàn bộ nguồn lực của gia đình để chăm nuôi cháu để cháu được hưởng những gì tốt đẹp nhất hơn là mình nuôi hai cháu trong điều kiện thiếu thốn thì tội con.

(PVS Phụ nữ 32 tuổi, TP.HCM)

Thực tiễn này cho thấy, “giá trị của đứa con” ngày nay không còn nằm ở số lượng, mà ở khả năng cha mẹ có thể đảm bảo cho con một cuộc sống tốt đẹp, phát triển toàn diện trong môi trường đầy cạnh tranh; và họ nỗ lực để thực hiện mục tiêu này.

Bên cạnh đó, quan niệm về giới tính đứa con cũng thay đổi. Sự thay đổi trong quan niệm về giá trị đứa con, đặc biệt là sự suy giảm tư tưởng trọng nam khinh nữ có ý nghĩa xã hội sâu sắc và góp phần đáng kể vào xu hướng giảm mức sinh trong bối cảnh xã hội hiện đại. Tâm lý mong muốn có con trai để nối dõi tông đường hay gánh vác trách nhiệm với gia đình trong xã hội cũ là nguyên nhân phổ biến khiến nhiều cặp vợ chồng sinh nhiều con cho đến khi đạt được mục tiêu giới tính. Tuy nhiên, gần đây phân biệt giới tính trong quan niệm về con cái không còn nặng nề như trước, các cặp vợ chồng ngày càng có xu hướng hài lòng với một hoặc hai con, bất kể giới tính. Sự thay đổi này làm giảm áp lực sinh thêm con, từ đó tác động trực tiếp đến việc giảm quy mô gia đình. Đồng thời, khi con gái được nhìn nhận bình đẳng về vai trò và trách nhiệm đối với cha mẹ, các gia đình cũng chủ động hơn trong việc lựa chọn số lượng con dựa trên điều kiện kinh tế với mong muốn nâng cao chất lượng sống.

Giờ sinh con trai hay gái đều được, miễn là mình nuôi con được tốt, con khỏe mạnh và phát triển. Con gái giờ có khi còn được nhờ hơn con trai, vợ chồng tôi quan tâm đến chất lượng cuộc sống hơn là việc sinh con trai hay con gái.

(PVS Phụ nữ 30 tuổi, Khánh Hòa)

Mặt khác, sự thay đổi này còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai các chính sách dân số và truyền thông kế hoạch hóa gia đình, bởi nó làm suy yếu một trong những rào cản văn hóa lâu đời. Có thể khẳng định rằng sự chuyển biến trong quan niệm về giá trị con cái không chỉ phản ánh quá trình hiện đại hóa văn hóa gia đình, mà còn góp phần tạo ra những thay đổi mạnh mẽ trong hành vi sinh sản của các cặp vợ chồng trẻ, dẫn đến giảm mức sinh.

Xu hướng cá nhân hóa được đề cao

Xu hướng cá nhân hóa vốn nhấn mạnh quyền tự chủ, sự lựa chọn cá nhân và nhu cầu phát triển bản thân đang trở thành một đặc trưng nổi bật trong đời sống hiện đại. Các quan điểm của Giddens về xã hội hiện đại ở giai đoạn cuối (late modernity) nhấn mạnh rằng cùng với quá trình toàn cầu hóa, hiện đại hóa, xã hội hiện đại khác biệt với các xã hội truyền thống trước đây. Nó xóa bỏ các ràng buộc truyền thống và buộc các cá nhân phải tự kiến tạo bản thân mình thông qua việc lựa chọn lối sống và xây dựng các mối quan hệ. Nó gắn liền với sự tự do và khả năng tự quyết của các nhân. Giddens cũng nhấn mạnh sự biến đổi của gia đình và các mối quan hệ mật thiết. Quá trình công nghiệp hóa đã tách rời gia đình và nơi làm việc, gia đình không còn là một thể chế kinh tế, thêm vào đó là sự phát triển của

các biện pháp kiểm soát sinh đẻ, việc tuyên truyền, cổ vũ cho tình yêu lãng mạn đã khiến đời sống riêng tư được coi là sự nâng đỡ về mặt tình cảm, trao đổi tính dục và phụ nữ được giải phóng khỏi việc mang thai liên tục (Giddens, 1991). Xu hướng cá nhân hóa không chỉ làm thay đổi quan niệm về hôn nhân và gia đình, mà còn trực tiếp tác động đến hành vi sinh đẻ của các cá nhân, góp phần làm giảm rõ rệt mức sinh ở nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Với sự gia tăng của giáo dục, đô thị hóa và truyền thông, nhiều người, đặc biệt là phụ nữ ngày càng ý thức rõ hơn về giá trị của bản thân và quyền tự quyết. Họ quan tâm nhiều hơn đến ngoại hình, sức khỏe, các trải nghiệm cá nhân và sự nghiệp thay vì nhanh chóng lập gia đình và sinh con theo chuẩn mực truyền thống. Nghiên cứu của Quỹ dân số Liên Hợp Quốc (UNFPA) tại Việt Nam (2020) cho thấy tỷ lệ phụ nữ kết hôn sau tuổi 30 tăng nhanh trong thập kỷ qua, phản ánh xu hướng trì hoãn hôn nhân và sinh con để dành thời gian cho học vấn và sự nghiệp. Phụ nữ hiện đại không còn xem thiên chức làm mẹ là con đường duy nhất để khẳng định giá trị bản thân. Thay vào đó, họ đầu tư cho công việc, thu nhập và các hoạt động xã hội như một phần của sự hoàn thiện cá nhân. Tương tự, nam giới cũng không còn chịu sức ép “nối dõi tông đường” mà tập trung nhiều hơn vào sự nghiệp và lối sống tự do, linh hoạt. Điều này góp phần làm giảm mức sinh một cách rõ rệt ở các đô thị lớn, nơi mà xu hướng cá nhân hóa có bối cảnh thể hiện mạnh mẽ.

Những quan niệm như “đông con nhiều cháu là phúc”, “có con trai để nối dõi”, “sinh đủ nếp đủ tẻ” đang dần mất đi ảnh hưởng trong bối cảnh xã hội cá nhân hóa. Sự thay đổi trong nhận thức khiến sinh con không còn là nghĩa vụ hay chuẩn mực phải tuân theo, mà trở thành một lựa chọn mang tính cá nhân, thậm chí có thể bị loại bỏ hoàn toàn nếu không phù hợp với mục tiêu sống.

Mình có quyền quyết định sinh mấy con, không phụ thuộc vào cha mẹ mình hay ông bà/người lớn trong dòng họ. Em chắc chắn sẽ không sinh nhiều con, chắc 1 đứa thôi, vì mình còn bao nhiêu việc phải làm, nào sự nghiệp, công việc, tài chính, chăm sóc bản thân và cả tận hưởng cuộc sống cá nhân của mình nữa. Cả hai vợ chồng em đều thích đi du lịch, nếu sinh nhiều con sẽ không thể sống với sở thích cá nhân của mình được.

(PVS nữ, 34 tuổi, Thành phố Hồ Chí Minh)

Việc mức sinh liên tục giảm kéo theo những hệ quả sâu rộng đối với cấu trúc xã hội và phát triển bền vững. Dân số già hóa nhanh chóng, lực lượng lao động trẻ suy giảm, gây áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và tăng gánh nặng cho thế hệ lao động hiện tại. Hàn Quốc và Nhật Bản là những ví dụ điển hình: mức sinh thấp khiến các chính phủ phải chi hàng tỷ USD để thúc đẩy sinh sản nhưng hiệu quả còn hạn chế. Việt Nam mà đặc biệt là khu vực phía Nam như các tỉnh ĐNB và ĐBSCL cũng đang đối mặt với viễn cảnh tương tự nếu xu hướng cá nhân hóa tiếp tục mở rộng mà không có chính sách phù hợp. Xu hướng cá nhân hóa mặc dù phản ánh sự tiến bộ trong nhận thức cá nhân và quyền tự quyết, quyền tự chủ của phụ nữ nhưng cũng đặt ra những thách thức nghiêm trọng cho sự phát triển dân số bền vững. Việc cân bằng giữa tôn trọng quyền cá nhân và duy trì mức sinh hợp lý là bài toán lớn cho các nhà hoạch định chính sách trong bối cảnh chuyển đổi văn hóa-xã hội sâu sắc như hiện nay.

Khi giá trị về sự tự do cá nhân, phát triển sự nghiệp và hưởng thụ được đặt lên hàng đầu, người trẻ có xu hướng trì hoãn hoặc từ chối sinh con. Nghĩa là người trẻ muốn sinh ít con để tận hưởng cuộc sống cá nhân, thực hiện các mục tiêu sự nghiệp vì bản thân mình hơn là vì sự trông đợi của gia đình/xã hội, coi trọng bản thân và những giá trị ưu tiên trong cuộc sống. Hàn Quốc và Nhật Bản là những quốc gia có mức sinh thấp nhất thế giới, một số nghiên cứu cho thấy tỷ lệ lớn người trẻ ưu tiên sự nghiệp và tự do cá nhân hơn là trách nhiệm làm cha mẹ (UNFPA, 2024). Ngoài ra, mức sinh thấp còn làm thay đổi cấu trúc gia đình, với xu hướng gia đình hạt nhân, hoặc thậm chí là “gia đình một người”. Điều này ảnh hưởng đến tính gắn kết xã hội, làm tăng nguy cơ cô đơn, suy giảm hỗ trợ liên thế hệ và giảm mức độ tương tác cộng đồng, là những yếu tố vốn giữ vai trò quan trọng trong an sinh xã hội và hạnh phúc cá nhân.

2.2. Áp lực từ cuộc sống hiện đại và vai trò của người phụ nữ trong xã hội

Nâng cao trình độ học vấn và cơ hội nghề nghiệp cho phụ nữ trong xã hội hiện đại

Sự thay đổi vai trò giới và vị trí của phụ nữ trong xã hội hiện đại cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến mức sinh. Phụ nữ ngày càng có trình độ học vấn cao và tham gia thị trường lao động với vai trò bình đẳng hơn, dẫn đến việc họ cân nhắc nhiều hơn trong quyết định sinh con. Theo OECD (2021), tại các nước phát triển, phụ nữ có trình độ đại học thường sinh con muộn và sinh ít con hơn so với nhóm có học vấn thấp.

Các số liệu khảo sát tại 4 tỉnh/thành cũng cho thấy phụ nữ có học vấn càng cao càng có số con trung bình thấp hơn. Bên cạnh đó, nhóm phụ nữ không có mục tiêu liên quan đến công việc, đào tạo hay hoạt động kinh doanh từ năm 2018 đến nay có số con trung bình cao hơn hẳn với nhóm phụ nữ có các mục tiêu liên quan đến đào tạo hoặc hoạt động nghề nghiệp (1,36 con so với 1,18 con). Có thể nói việc "phụ nữ mất nhiều cơ hội tham gia hoạt động ngoài xã hội nếu sinh thêm con" chính là "chi phí cơ hội" trong việc lựa chọn giữa sinh nhiều con hơn với các mục tiêu phấn đấu về nghề nghiệp và học vấn. Sinh con và dành thời gian chăm sóc con nhỏ có thể làm gián đoạn sự nghiệp, hạn chế cơ hội học tập, thăng tiến và tham gia các hoạt động xã hội. Đối với những phụ nữ có tham vọng và mong muốn phát triển bản thân, đây là một sự đánh đổi lớn.

Trên thực tế, kết quả phân tích số liệu định lượng (Bảng 1) cũng cho thấy ngoài lý do “Không đủ tiền để nuôi dạy con tốt” - là lý do chủ yếu nhất khiến các cặp vợ chồng trì hoãn việc sinh con (55,6%) thì lý do “điều kiện công việc chưa phù hợp để sinh thêm con” cũng là một trong 3 lý do chính khiến các cặp vợ chồng chưa tính đến việc sinh thêm nhiều con hơn so với số con hiện có (21,0%).

Một số kết quả phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được tổng hợp tại Hộp 1 cũng đề cập đến lý do về giới trẻ hiện nay mong muốn phấn đấu, thăng tiến cho công việc, cho học tập trước rồi mới nghĩ đến chuyện sinh con nhằm lý giải cho mức sinh thấp tại 4 tỉnh/thành phố. Điều này cho thấy sự tính toán kỹ lưỡng và thực tế của giới trẻ hiện nay. Họ nhận thức rằng có sự nghiệp ổn định, nền tảng kinh tế vững chắc là điều kiện tiên quyết để nuôi dạy con tốt. Do đó, họ lựa chọn trì hoãn việc sinh con cho đến khi họ cảm thấy "sẵn sàng" về mặt tài chính và sự nghiệp.

Bảng 1. Lý do không có ý định sinh thêm con

Đơn vị: %

	Tỉnh/Thành phố				Chung
	Khánh Hòa	TP. Hồ Chí Minh	Sóc Trăng	Cà Mau	
Không đủ tiền để nuôi dạy con tốt	71,7	51,2	80,1	62,3	55,6
Sức khỏe không đảm bảo	20,0	26,6	10,0	5,4	23,3
Điều kiện công việc không phù hợp	18,3	22,1	11,1	21,9	21,0
Mất quá nhiều thời gian và công sức	20,7	20,6	24,4	10,0	20,1
Không có người chăm sóc	6,4	19,4	11,0	13,3	17,4
Chồng không muốn sinh thêm con	15,1	16,7	9,5	8,4	15,5
Nhà ở chật chội	14,3	9,0	23,4	5,8	10,2
Dịch vụ chăm sóc sức khỏe, giáo dục quá đắt	3,4	10,9	12,0	7,7	10,2
Chính sách nhà nước không cho phép	8,5	7,0	4,7	3,5	6,7
N (đã gia quyền)	46	506	48	49	649

Nguồn: Số liệu khảo sát tại 4 tỉnh/thành phố, 2024; Số liệu đã được gia quyền.

Ngoài ra, xét theo yếu tố nghề nghiệp, với người lao động làm việc trong khu vực nhà nước, việc sinh thêm con thứ ba còn ảnh hưởng đến khả năng thăng tiến trong công việc, thậm chí còn chịu những hình thức phê bình, kỷ luật với những mức độ khác nhau. Kết quả khảo sát định lượng tại 4 tỉnh/thành phố cũng cho thấy vẫn còn 6,7% các cặp vợ chồng trẻ không muốn sinh thêm con, mà cụ thể là sinh thêm con thứ ba vì họ cho rằng chính sách nhà nước không có phép. Kết quả thảo luận nhóm cán bộ xã tại tỉnh Khánh Hòa cũng tiếp tục khẳng định mức sinh thấp ở tỉnh này vì hai lý do nói trên:

Chính sách kỷ luật công chức do “sinh con thứ ba” hiện nay còn bị quy vào “vi phạm chính sách dân số”, và người sinh con thứ ba sẽ bị cắt hết thi đua.

(TLN cán bộ xã, tỉnh Khánh Hòa)

Như vậy, TP.HCM, Khánh Hòa, Sóc Trăng, Cà Mau là những tỉnh/thành phố đang nằm trong nhóm có mức sinh thấp nhất cả nước và có những quy định nhằm khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ 2 con và các cặp vợ chồng có quyền lựa chọn số con mong muốn. Nhưng việc sinh quá số con quy định (quá 2 con) vẫn khiến một bộ phận người lao động thuộc nhóm công chức, viên chức nhà nước bị phê bình, cảnh cáo, thậm chí ảnh hưởng đến sự thăng tiến trong công việc. Vì vậy điều này khiến nhiều cặp vợ chồng trì hoãn việc sinh thêm con bởi những lo ngại nói trên.

Gánh nặng kép của phụ nữ

“Gánh nặng kép của phụ nữ” được hiểu là tình trạng phụ nữ phải đảm nhận song song hai nhóm trách nhiệm chính. Một mặt, họ tham gia vào hoạt động kinh tế-xã hội, phấn đấu cho sự nghiệp và tạo thu nhập nhằm đóng góp vào sự phát triển của gia đình và cộng đồng. Mặt khác, trong đời sống gia đình, phụ nữ vẫn gánh phần lớn trách nhiệm chăm sóc con cái, duy trì công việc nội trợ và bảo đảm sự gắn kết của các thành viên. Đối với phụ nữ hiện

đại, áp lực này càng lớn khi họ vừa mong muốn khẳng định bản thân trong xã hội, vừa phải đáp ứng những chuẩn mực truyền thống về vai trò người vợ, người mẹ. Sự chồng chéo nghĩa vụ khiến phụ nữ thường đối mặt với tình trạng quá tải về thể chất và tinh thần, đồng thời phản ánh sự bất bình đẳng giới trong phân công lao động. Sự quá tải này tạo nên rào cản tâm lý lớn, khiến họ ngần ngại khi nghĩ đến việc sinh thêm con.

Nếu sinh con và cần một người nghỉ làm để chăm con thì thường là nữ, vì quan niệm người mẹ/phụ nữ chăm con tốt hơn. Khi con còn nhỏ thì thường người phụ nữ chăm con. Như thế người phụ nữ sẽ cảm thấy trách nhiệm nặng nề (TLN cán bộ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa).

Nhóm khảo sát tại Khánh Hòa đã ghi nhận một số trường hợp phỏng vấn mà người phụ nữ chia sẻ rằng đối với nhóm lao động phi chính thức, khi nghỉ sinh thì công ty sẽ tuyển người mới để thay thế vào vị trí của mình nên nhiều khả năng khi hết thời gian nghỉ thai sản thì sẽ không còn việc làm nữa, do đó họ không dám sinh con vì lo sợ sẽ mất việc.

Chúng em làm việc trong khu vực tư với hợp đồng ngắn hạn, khi nghỉ sinh thì công ty sẽ ngay lập tức tìm người khác thay thế nên có nguy cơ mất việc làm khi sinh con, nhiều khi muốn sinh con mà không dám vì điều kiện công việc chưa cho phép (PVS, nữ, lao động phi chính thức, tỉnh Khánh Hòa).

Như vậy, gánh nặng chăm sóc con nhỏ khiến nhiều phụ nữ không có đủ thời gian và tâm trí để tập trung hoàn toàn cho công việc. Họ khó có thể làm thêm giờ hay tham gia các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn, từ đó làm giảm cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp. Đồng thời, một số phụ nữ phải tạm dừng công việc hoặc chuyển sang các công việc thu nhập thấp hơn để có thời gian chăm sóc con cái. "Gánh nặng kép" chiếm gần hết thời gian của phụ nữ, khiến họ không có thời gian để nghỉ ngơi, giải trí, tham gia các hoạt động xã hội hay theo đuổi sở thích cá nhân. Đây cũng là một lý do khiến nhiều phụ nữ trì hoãn việc sinh con, một trong những nguyên nhân dẫn đến mức sinh thấp ở 4 tỉnh/thành phố khảo sát. Hiện tượng "gánh nặng kép" đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có các chính sách xã hội toàn diện nhằm hỗ trợ phụ nữ trong cả công việc và đời sống gia đình. Sự chia sẻ trách nhiệm từ phía nam giới và các thành viên khác trong gia đình là điều kiện quan trọng để giảm thiểu bất bình đẳng giới trong phân công lao động. Đồng thời, các chính sách về phúc lợi, dịch vụ chăm sóc trẻ em và bảo đảm việc làm bình đẳng cần được tăng cường để tạo nền tảng hỗ trợ thực chất cho phụ nữ. Chỉ khi có sự kết hợp hài hòa giữa chính sách, sự chia sẻ trong gia đình và thay đổi nhận thức xã hội thì phụ nữ mới có thể yên tâm tập trung cho vai trò làm mẹ, chăm sóc con cái và quán xuyến gia đình. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng cuộc sống của phụ nữ mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của gia đình và xã hội.

2.3. Sự thiếu hụt các mạng lưới hỗ trợ

Thiếu hụt mạng lưới hỗ trợ gia đình

Sự thay đổi về văn hóa-xã hội diễn ra nhanh chóng, trong khi các hệ thống hỗ trợ đường như chưa theo kịp, tạo ra những rào cản thực tế.

Kết quả khảo sát định lượng tại 4 tỉnh/thành phố cho thấy 15,5% phụ nữ cho biết lý do vợ chồng trì hoãn sinh thêm con là không có người hỗ trợ chăm sóc. Điều này phản ánh

tình trạng thiếu hụt sự hỗ trợ của mạng lưới gia đình, người thân. Lý thuyết của Goode (1963) lý giải sự thay đổi của mô hình gia đình gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ông nhấn mạnh rằng bất kể nơi nào mà hệ thống kinh tế mở rộng thông qua quá trình công nghiệp hóa, các mô hình gia đình đều thay đổi theo hướng các mối quan hệ họ hàng thân tộc suy yếu hơn, gia đình hạt nhân dần thay thế mô hình gia đình mở rộng nhiều thế hệ. Trong xã hội Việt Nam trước đây, ở những gia đình nhiều thế hệ sống chung, ông bà đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ chăm sóc cháu chắt. Ngày nay, cùng với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quá trình di cư từ nông thôn ra đô thị của nhiều người trẻ, các cặp vợ chồng trẻ, đặc biệt là các cặp vợ chồng trẻ di cư sinh sống ở khu vực đô thị ít nhận được sự trợ giúp của cha mẹ hay người thân trong gia đình thường phải tự mình xoay sở khi sinh con, làm tăng thêm gánh nặng chăm sóc con cái. Việc chăm sóc con sau sinh vất vả, ảnh hưởng tới sức khỏe phụ nữ cũng là các yếu tố cản trở tới việc sinh thêm con của các cặp vợ chồng trẻ. Các ý kiến phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm các vợ, chồng trẻ đều cho rằng hiện nay việc chăm sóc con, nhất là con nhỏ (dưới 12 tháng tuổi) rất vất vả do phải đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao về ăn uống sinh hoạt (quần áo, tã bỉm,...),... của trẻ nhỏ. Trong khi đó, chi phí giáo dục (các khoản chi phí cho việc học thêm và các khoản chi giáo dục khác) khi trẻ bước vào độ tuổi đi học là khá tốn kém. Đây là nguyên nhân khiến sức khỏe của người phụ nữ giảm, thậm chí họ có thể bị trầm cảm nếu ít được hỗ trợ, chia sẻ từ người thân (chồng, bố mẹ hai bên) trong chăm sóc con nhỏ (PVS nữ, 27 tuổi, THPT, dân tộc Kinh, buôn bán nhỏ, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, Khánh Hòa; PVS nữ, 36 tuổi, Phó chủ tịch Hội Phụ nữ phường 4, quận Tân Bình, TP.HCM).

Hạ tầng xã hội quá tải

Vấn đề thiếu hụt cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc học tập là một nỗi lo hiện hữu với nhiều cặp vợ chồng trẻ có con trong độ tuổi đi học. Trường công thiếu chỗ, trường tư đắt đỏ, không gian vui chơi cho trẻ em hạn chế... là những yếu tố thực tế khiến cha mẹ cảm thấy việc nuôi dạy con ở thành phố quá áp lực và tốn kém, từ đó không muốn sinh nhiều con.

Ngày nay, việc nuôi con tạo ra nhiều sức ép về kinh tế vì các khoản chi phí chăm con, nuôi con ngày một phát sinh nhiều hơn, tốn kém hơn. Một trong các khoản chi phí tốn kém nhất chính là chi phí giáo dục. Mặc dù Nhà nước đã có hỗ trợ miễn học phí cho học sinh tiểu học trường công, tuy nhiên học sinh tiểu học vẫn phải đóng rất nhiều khoản chi phí khác như tiền dạy thêm, học thêm, bảo hiểm y tế học sinh, tiền quần áo đồng phục đi học, quần áo thể dục thể thao, các khoản phục vụ bán trú,...cũng rất tốn kém. Ngoài ra, tình trạng thiếu trường, lớp công lập vẫn còn tương đối phổ biến. Ở một số địa phương hiện vẫn còn tình trạng không đủ cơ sở vật chất (trường công) cho trẻ đi học, đẩy một số gia đình khó khăn vào hoàn cảnh chỉ có thể lựa chọn cho con đi học tại trường tư với chi phí cao hơn hoặc giữ con ở nhà.

Mấy năm về trước xã không có đủ trường mầm non cho trẻ em dưới 5 tuổi, các gia đình có con nhỏ phải bốc thăm để cho con được đi học trường mầm non công, nếu bốc thăm không được thì đành cho con đi tư thục, nhà nào không đủ điều kiện chi trả cho mầm non tư thục thì đành giữ ở nhà (PVS, cán bộ trạm y tế xã, tỉnh Khánh Hòa).

Đối với lứa tiểu học hiện nay xã đang thiếu trường lớp, chỉ có 2 trường tiểu học, đáp ứng được nhu cầu đi học của 900 học sinh, còn 200 học sinh tiểu học của xã phải sang học ở xã khác. Do đó, việc này cũng tác động, gây ra tâm lý ngại sinh thêm con của các cặp vợ chồng. Xã đang đề xuất xây thêm 1 trường để đáp ứng đủ nhu cầu đi học của trẻ em ở xã.

(TLN cán bộ, TP.HCM)

Bên cạnh đó, mặc dù việc khám chữa bệnh cho trẻ đã dễ dàng hơn bởi sự sẵn có của các cơ sở khám chữa bệnh, tuy nhiên chi phí ngày càng tăng của việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng đã khiến chi phí chăm sóc và nuôi con ngày càng tăng, khiến các cặp vợ chồng cân nhắc đến khả năng sinh đủ số con mong muốn.

3. Kết luận và một số hàm ý chính sách

Các kết quả nghiên cứu tại 4 tỉnh/thành phố cho thấy rằng mức sinh thấp ở các cặp vợ chồng trẻ tại khu vực ĐNB và ĐBSCL không chỉ là một vấn đề nhân khẩu học mà đó là kết quả của sự chuyển đổi về các yếu tố văn hóa-xã hội. Có 3 nhóm nguyên nhân chính ảnh hưởng đến mức sinh của các cặp vợ chồng trẻ tại 4 tỉnh/thành phố. Thứ nhất, đó là sự thay đổi trong quan niệm sống và hệ giá trị về đứa con. Trong bối cảnh hiện đại hóa và cá nhân hóa mạnh mẽ, quan niệm về giá trị của con cái đã thay đổi từ “số lượng” sang “chất lượng”, ưu tiên nuôi dưỡng ít con nhưng đầu tư nhiều nguồn lực để đảm bảo cho con cuộc sống tốt nhất. Tư tưởng trọng nam khinh nữ suy giảm, sự lựa chọn hôn nhân và sinh con ngày càng mang tính cá nhân, không còn chịu nhiều ràng buộc từ chuẩn mực truyền thống.

Thứ hai, những áp lực từ cuộc sống hiện đại và sự thay đổi vai trò của người phụ nữ cũng góp phần định hình hành vi sinh đẻ, dẫn đến xu hướng trì hoãn kết hôn và sinh ít con. Phụ nữ ngày càng có trình độ học vấn cao hơn, có nhiều cơ hội nghề nghiệp và mong muốn phát triển bản thân. Điều này tạo ra một “chi phí cơ hội” lớn khi phải lựa chọn giữa sự nghiệp và việc sinh thêm con. “Gánh nặng kép” - vừa phải phấn đấu trong công việc, vừa gánh vác trách nhiệm chăm sóc gia đình - khiến phụ nữ kiệt sức và ngần ngại khi nghĩ đến việc sinh thêm con. Cùng với đó, xu hướng cá nhân hóa vừa thể hiện sự tiến bộ về quyền tự chủ và bình đẳng giới, vừa đặt ra thách thức lớn cho mục tiêu duy trì dân số hợp lý và bảo đảm phát triển bền vững.

Thứ ba, sự thiếu hụt và quá tải của các mạng lưới hỗ trợ gia đình và xã hội thông qua việc suy giảm của mô hình gia đình nhiều thế hệ (tam, tứ đại đồng đường) khiến các cặp vợ chồng trẻ, đặc biệt ở thành thị, mất đi nguồn hỗ trợ quan trọng từ ông bà trong việc chăm sóc con cái. Đồng thời, hạ tầng xã hội như trường mầm non công lập, trường tiểu học không theo kịp tốc độ phát triển, dẫn đến tình trạng thiếu chỗ, quá tải. Các chi phí cho giáo dục, y tế và nuôi dưỡng ngày càng đắt đỏ, tạo ra gánh nặng kinh tế khổng lồ, khiến các gia đình phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi sinh con.

Như vậy, sự thay đổi trong hệ giá trị về con cái và xu hướng cá nhân hóa không phải là hiện tượng tạm thời, mà là một phần của quá trình hiện đại hóa, tương tự như các quốc gia phát triển khác. Điều này cho thấy các chính sách can thiệp chỉ mang tính khuyến khích, tuyên truyền đơn thuần sẽ không hiệu quả. Thay vì tập trung vào việc “vận động sinh đủ hai con”, các chính sách cần chuyển hướng sang “tháo gỡ rào cản” và “xây dựng môi trường thân thiện với việc nuôi con”, đồng thời hỗ trợ các gia đình hiện thực hóa mong

muốn có con cái trong điều kiện tốt nhất. Các chính sách có thể hướng đến việc nâng cao chất lượng dịch vụ công, đầu tư vào giáo dục, y tế, chăm sóc trẻ em để giảm bớt gánh nặng tài chính và thời gian cho các gia đình. Việc xây dựng các mạng lưới hỗ trợ xã hội như phát triển các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ tâm lý, kết nối cộng đồng, đặc biệt là cho các gia đình trẻ và các bậc cha mẹ đơn thân cũng cần được tính đến. Bên cạnh đó, tăng cường truyền thông thay đổi các khuôn mẫu văn hóa về vai trò giới và giá trị gia đình, tạo cơ hội cho phụ nữ phát triển sự nghiệp, đồng thời khuyến khích nam giới chia sẻ trách nhiệm gia đình nhằm thúc đẩy bình đẳng giới. Các chính sách cũng cần được thiết kế phù hợp với đặc điểm kinh tế-xã hội và văn hóa của từng địa phương, đặc biệt là ở khu vực ĐNB và ĐBSCL. Hướng đi này vừa đảm bảo quyền tự quyết cá nhân, vừa góp phần giải quyết các thách thức về nhân khẩu học trong dài hạn, nâng cao chất lượng dân số, hướng tới sự phát triển bền vững của đất nước.

Tài liệu tham khảo

- Beck, Ulrich. 1992. "Risk Society: Towards a New Modernity" (chrome-extension://efaidnbmnnnibpcajpcglclefindmkaj/https://www.uio.no/studier/emner/matnat/ifi/IN990/0/h25/timeplan/risksocietytowardsanewmodernity1992beck.pdf)
- Giddens, Antony. 1991. *Modernity and Self-Identity: Self and Society in the Late Modern Age*. Stanford, CA: Stanford University Press.
- Goode, William J. 1963. *World Revolution and Family Patterns*. New York: Free Press.
- Hoffman, L. W., & Hoffman, M. L. 1973. The value of children to parents. In J. T. Fawcett (Ed.), *Psychological Perspectives on Population* (pp. 19-76). New York: Basic Books.
- Kagıtcıbası, Ç. 1982. The Changing Value of Children in Turkey. *Current Studies on the Value of Children*, No. 60-E. East-West Population Institute, East-West Center, Honolulu.
- Nguyễn Thị Minh Ngọc. 2014. Niềm tin tôn giáo trong mối quan hệ với niềm tin xã hội, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 12 (138): 73-89.
- Notestein, Frank W. 1945. Population-The Long View. In: Schultz, Theodore W. (ed.) 1945: *Food for the World*. 36-57.
- OECD. 2021. *Society at a Glance 2021: OECD Social Indicators*. OECD Publishing.
- Phạm Văn Quyết. 2001. Ảnh hưởng của yếu tố tôn giáo đến mức sinh trong cộng đồng Thiên Chúa Giáo (nghiên cứu trường hợp xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định). Luận án tiến sĩ xã hội học.
- Thompson, Warren S. 1929. Population. In: *American Journal of Sociology* 34,6: 959-975.
- Tổng cục thống kê. 2024. *Kết quả chủ yếu điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2024*. Nxb Thống kê, Hà Nội
- Trần Anh Đào. 2023. Một số vấn đề trong tiếp cận khoa học về tôn giáo cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Số 9 (235), 2023, tr. 3-22.
- UNFPA Việt Nam. 2020. *Tình trạng dân số Việt Nam: Hướng tới phát triển bền vững trong bối cảnh già hóa dân số và mức sinh thấp*. Hà Nội: Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc.
- UNFPA. 2024. Youth Voices on Families and Futures in South Korea. UNFPA Representation Office in Seoul. Ware and Lucas (2023), Jack Caldwell's Contribution to African Social Science and Health, *Australasian Review of African Studies*, 44 (2), 28-46.